

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 109/2022/DS-PT  
Ngày: 08-6-2022  
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự  
góp họ (Hội)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Bá Kha**

*Các Thẩm phán:*

Bà **Nguyễn Thị Nhiên**

Bà **Đặng Thị Bích Vân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (Hội).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Ngô Văn K**, sinh năm 1981 và chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: ấp 2B, xã Phong Thạnh T A, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Thị T ủy quyền cho anh Ngô Văn K theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2021; anh Kiên có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn H**, sinh năm 1969 (Vắng mặt) và bà **Lương Thị Đ**, sinh năm 1971 (Có mặt); cùng địa chỉ: Số 79, tổ 2, ấp Cạnh Đèn 3, xã Vĩnh Ph, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên Giang.

**- Người kháng cáo:** Bị đơn bà **Lương Thị Đ**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2021 nguyên đơn anh Ngô Văn K và chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Vợ chồng ông Võ Văn H và bà Lương Thị Đ làm chủ hội, vợ chồng anh K, chị T tham gia hội viên 03 dây hội gồm:

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 24/2/2020, 15 ngày khui 01 lần (01 tháng khui hội 02 lần), khui hội vào các ngày 24 và ngày 09 hàng tháng, hội có 39 phần (39 chân), vợ chồng anh K tham gia 03 phần, đã đóng được 21 lần hội sống với số tiền là 126.000.000 đồng, bà Đ tuyên bố úp hội (không khui nữa) nhưng không trả tiền hội cho vợ chồng anh K.

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 02/10/2019, 15 ngày khui 01 lần (01 tháng khui hội 02 lần), khui hội vào các ngày 02 và ngày 17 hàng tháng, hội có 36 phần (36 chung), vợ chồng anh K tham gia 03 phần, đã đóng được 30 lần hội sống với số tiền là 180.000.000 đồng, bà Đ tuyên bố úp hội (không khui nữa) nhưng không trả tiền hội cho vợ chồng anh K.

Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 16/6/2019 al, 01 tháng khui 01 lần vào ngày 16 hàng tháng, hội có 25 phần, vợ chồng anh K tham gia 02 phần, đã đóng được 19 lần hội sống với số tiền là 190.000.000 đồng, bà Đ tuyên bố úp hội (không khui nữa) nhưng không trả tiền hội cho vợ chồng anh K.

Tổng 03 dây hội vợ chồng ông H, bà Đ thiếu số tiền là 496.000.000 đồng. Vào ngày 17/01/2021 (nhằm ngày 05/12/2020) vợ chồng ông H, bà Đ kết toán 03 dây hội còn nợ hội của vợ chồng anh K, chị T số tiền là 496.000.000 đồng. Anh K yêu cầu viết biên nhận nợ hội thì bà Đ để cho con gái là chị Võ Thị Yên Nh viết, bà Đ ký tên xác nhận vào giấy nợ tiền hội, 07 ngày sau thì ông H ký tên vào giấy nợ tiền hội. Ngày 31/5/2021 (nhằm ngày 20/4/2021 al) ông H, bà Đ trả số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại là 446.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ hội còn thiếu là 446.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày 24/11/2020 cho đến khi xét xử theo lãi suất quy định pháp luật. Tại phiên tòa, đồng ý khấu trừ tiền hoa hồng của 03 dây hội trên là 11.000.000 đồng, xác định dây hội 2.000.000 đồng ngày 02/10/2019 vợ chồng anh Kiên đóng được 29 lần nên đồng ý trừ lại số tiền là 6.000.000 đồng.

***Bị đơn bà Lương Thị Đ trình bày:***

Bà tham gia làm chủ hội, đã mở 03 dây hội cụ thể:

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 24/2/2020, 15 ngày khui 01 lần, khui hội vào các ngày 24 và ngày 09 hàng tháng, hội có 39 phần (39 chung), vợ chồng anh Kiên tham gia 03 phần, đã đóng được 21 lần với số tiền là 67.520.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 02/10/2019, 15 ngày khui 01 lần, khui hội vào các ngày 02 và ngày 17 hàng tháng, hội có 36 phần (36 chung), vợ chồng anh Kiên tham gia 03 phần, đã đóng được 29 lần với số tiền là 126.870.000 đồng.

Dây hội 5.000.000 đồng, mở ngày 16/6/2019, 01 tháng khui 01 lần vào ngày 16 hàng tháng, hội có 25 phần, vợ chồng anh K tham gia 02 phần, đã đóng được 19 lần với số tiền là 124.100.000 đồng.

Bà Đ thừa nhận khi úp hội không khui nữa thì bà có kết toán còn thiếu vợ chồng anh K, chị T số tiền hội là 496.000.000 đồng (số tiền 496.000.000 đồng này

là đã có tính tiền lãi). Do anh K yêu cầu phải viết giấy nợ tiền hui với tổng số tiền là 496.000.000đ nên bà để cho con gái là chị Võ Thị Yến Nh viết, bà ký tên xác nhận tổng số tiền nợ hui khi úp hui là 496.000.000đ, sau đó chồng bà là ông H ký tên vào giấy nợ hui trên.

Bà Đ xác định số tiền hui thực nhận của 03 dây hui do vợ chồng anh K tham gia nêu trên với tổng số tiền là 318.490.000 đồng. Bà đồng ý trả cho vợ chồng anh K, chị T số tiền hui thực nhận là 318.490.000 đồng sau khi trừ đi số tiền hui bà đã trả là 50.000.000 đồng vào ngày 20/4/2021. Nay bà đồng ý trả nợ hui còn thiếu cho vợ chồng anh K, chị T là 268.490.000 đồng và chịu lãi, các dây hui đã úp nêu trên bà không yêu cầu trừ lại tiền hoa hồng 11.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn còn thiếu nợ nhiều người nên bà xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, trả dần cho đến khi hết nợ.

*Bị đơn ông H vắng mặt và đồng ý với ý kiến trình bày của bà Đ.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông H, bà Đ trả số tiền hui còn thiếu là 429.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Đối với yêu cầu tiền lãi suất thì nguyên đơn anh K, chị T rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi suất.

*\*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1-** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn Kiên, chị Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng góp họ (hui) đối với ông Võ Văn H, bà Lương Thị Đ.

Buộc vợ chồng ông Võ Văn H, bà Lương Thị Đ trả cho anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 429.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Võ Văn H, bà Lương Thị Đ không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền cho anh K, chị T thì ông H, bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2-** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất do nguyên đơn anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T đã rút yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo theo luật

định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2022 bà Lương Thị Đọt có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét bà chỉ thiếu ông K số tiền 268.490.000 đồng và đây chỉ là nợ riêng của một mình bà chứ không liên quan đến ông Võ Văn H là chồng bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử và không có kháng cáo. Bị đơn bà Lương Thị Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang theo hướng kháng cáo và xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn chị Võ Thị T vắng mặt nhưng đã có giấy ủy quyền cho anh Ngô Văn K theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2021, bị đơn ông Võ Văn H vắng mặt nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bà Lương Thị Đ. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng góp hụi giữa các bên được xác lập bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng (Đối với dây hụi 2.000.000 đồng thì chủ hụi bà Đ được hưởng hoa hồng là 1.000.000 đồng/01 lần khai hụi; đối với dây hụi 5.000.000 đồng thì bà Đ được hưởng là 2.500.000 đồng/01 lần khai hụi). Chủ hụi bà Đ có lập danh sách những người tham gia góp hụi của từng dây hụi. Khi úp hụi không khai nữa hai bên có thỏa thuận bằng văn bản là giấy nợ tiền hụi ngày 17/01/2021 với nội dung: “Hụi khai ngày 24 và 09 hàng tháng, hụi 2.000.000 đồng mở ngày 24/02/2020, 15 ngày khai một lần, 21 lần tổng cộng là 126.000.000đ; hụi ngày 02 và ngày 17 hàng tháng hụi 2.000.000 đồng mở ngày 02/10/2019, 15 ngày khai một lần, 30 lần số tiền là 180.000.000 đồng; hụi 5.000.000 đồng ngày 16/6/2019, 01 tháng khai 01 lần, 19 lần là 190.000.000 đồng. Vợ chồng ông H, bà

Đ có gom hụi của vợ chồng anh K, chị T ấp 2B, xã Phong Thạnh T A, Phước L, Bạc Liêu với số tiền như trên, vợ chồng bà có úp hụi của vợ chồng anh K, chị T tổng cộng số tiền 03 đây là 496.000.000 đồng, trong thời gian đến cuối tháng 02 âm lịch sẽ trả số tiền trên, nếu không trả đúng thời hạn sẽ tính lãi.....”. Việc chơi hụi giữa các bên là có lãi, hoa hồng, mỗi lần khui hụi bà Đ được nhận tiền hoa hồng nên có trách nhiệm gom hụi giao cho các hụi viên, phần lãi chênh lệch của mỗi lần khui (sổ) hụi do các hụi viên hưởng và chịu. Mặc khác, khi bà Đ tuyên bố úp hụi không khui nữa thì vợ chồng ông H, bà Đ có làm giấy nợ tiền hụi với tổng số nợ hụi là 496.000.000 đồng có ký tên xác nhận nợ hụi của anh K, chị T (Bút lục 08 – Giấy viết tay) vào ngày 17/01/2021 (nhằm ngày 05/12/2020 âm lịch). Nay anh K, chị T yêu cầu trả số tiền nợ hụi 429.000.000 đồng là phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Đ.

Bên cạnh đó, bà Đ còn kháng cáo yêu cầu chỉ một mình bà chịu trách nhiệm với số tiền nợ này, ông Võ Văn H không có liên quan gì. Xét thấy rằng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông H bà Đ và tại giấy nhận nợ tiền hụi ngày 17/01/2021, có cả bà Lương Thị Đ và ông Võ Văn H ký tên nhận nợ. Tại phiên tòa bà Đ cho biết bà làm chủ hụi khi có hoa hồng và lãi hụi là phục vụ cho gia đình, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm ông H không có kháng cáo mà chỉ có bà Đ kháng cáo nên đối với nghĩa vụ của ông Hưởng không có cơ sở để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bà Đ. Lời trình bày của bà Đ là không có cơ sở để chấp nhận nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Đ và buộc ông H và bà Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền hụi là 429.000.000 đồng cho vợ chồng anh K và chị T là khách quan, công bằng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu xin trả dần của bà Đ, tại phiên tòa phúc thẩm ông K vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý cho bà Đ trả dần và yêu cầu này cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận tính có phần sai sót so với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 03A/2022 ngày 22/02/2022, do đó án phí dân sự có giá ngạch bị đơn phải chịu đối với số tiền nợ hụi 429.000.000 đồng là 21.160.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/20221/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lương Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, hộ, hộ, hộ; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ.

- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/20221/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

#### *Tuyên xử:*

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T về việc tranh chấp hợp đồng góp hộ (hộ) đối với ông Võ Văn Hưởng, bà Lương Thị Đột.

- Buộc vợ chồng ông Võ Văn H và bà Lương Thị Đ trả cho anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T số tiền nợ hộ là 429.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Võ Văn H, bà Lương Thị Đ không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền cho anh K, chị T thì ông H, bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2 - Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất do nguyên đơn anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T đã rút yêu cầu.

#### 2. Về án phí dân sự:

##### *2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Võ Văn H, bà Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.160.000 đồng (Hai mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Ngô Văn K, chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.920.000 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004089 ngày 08/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

*2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0003710 ngày 10/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bá Kha**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán                      Thẩm phán                      Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Bá Kha**